

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Trần Thị Kim Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Lê Thị Xuân Đ – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Long L, xã Đông Phước B, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

**2. Bị đơn:** Lê Minh – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Long A, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 08/11/2020, Bản tự khai ngày 08/11/2020 nguyên đơn chị Lê Thị Xuân Đ trình bày: Chị và anh Lê Minh Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau nên đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Lê Minh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 04 con chung tên Lê Huỳnh N, sinh ngày 12/8/1989; Lê Thị Huỳnh G, sinh ngày 01/01/1992; Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/3/2003; Lê Hoàng T, sinh ngày 02/10/2005. Hiện nay các cháu đang sống chung với chị Đ. Về con chung có hai người con là cháu N và cháu G đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu N và cháu T chị yêu cầu nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Minh Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, Đối với chị Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ. Đối với anh Lê Minh Đ mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Xuân Đ được ly hôn với anh Lê Minh Đ. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/3/2003 và Lê Hoàng T, sinh ngày 02/10/2005 cho chị Lê Thị Xuân Đ nuôi dưỡng. Do chị Đ chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh Đ chưa phải cấp

đưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Xuân Đ và anh Lê Minh Đ do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Minh Đ. Do anh Lê Minh Đ có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Xuân Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ. Đối với anh Lê Minh Đ mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Xuân Đ và anh Lê Minh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể sống chung với nhau nên đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần đến tòa để hòa giải hàn gắn gia đình nhưng không đến. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Lê Thị Xuân Đ được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

[3.2] Về con chung: Chị Đ và anh Đ có 04 người con tên Lê Huỳnh N, sinh ngày 12/8/1989; Lê Thị Huỳnh G, sinh ngày 01/01/1992; Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/3/2003; Lê Hoàng T, sinh ngày 02/10/2005. Hiện nay các cháu đang sống chung với chị Đ. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Đ Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N và cháu T còn nhỏ, sống chung với chị từ nhỏ và có nguyện vọng được sống chung với chị Đ. Do vậy, nhằm ổn định chỗ ở và cuộc sống theo nguyện vọng của cháu N và cháu T nên Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu T cho chị Lê Thị Xuân Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị Đ chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh Đ không trực tiếp nuôi con chung cho nên chị Đ phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Đ được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Đối với cháu N và cháu G đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Xuân Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Xuân Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Xuân Đ được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2003; Lê Hoàng T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2005 cho chị Lê Thị Xuân Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Minh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Lê Minh Đ không ai được quyền ngăn.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Xuân Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Xuân Đ đã nộp theo biên lai số 0005588 ngày 08/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị Đ đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Đua**